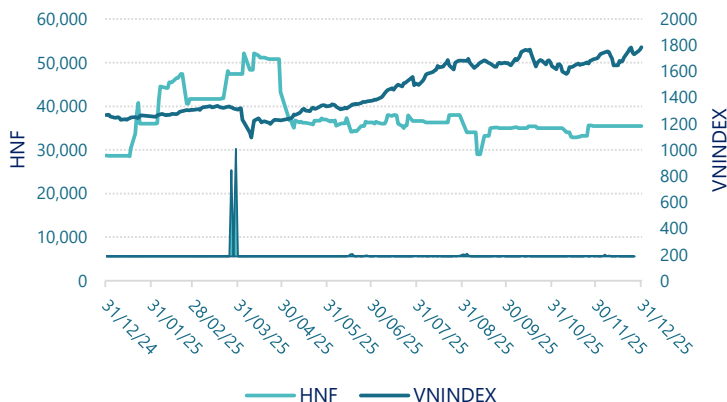




CTCP Thực phẩm Hữu Nghị (UPCOM: HNF)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	35,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	52,135
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	28,532
SL cổ phiếu LH	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	30
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,065
P/E	10.4
EPS	3,407

DT thuần

Q4/25

536

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.00 | 0.4%

YoY: ▼84.0 | -13.5%

LN sau thuế

Q4/25

24.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼15.2 | -38.1%

YoY: ▼47.2 | -65.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

8.8%

+/- YoY: ▼ 3.7%

DT thuần

2025

1,800

tỷ VNĐ

YoY: ▼170 | -8.6%

LN sau thuế

2025

102

tỷ VNĐ

YoY: ▼76.0 | -42.7%

ROE

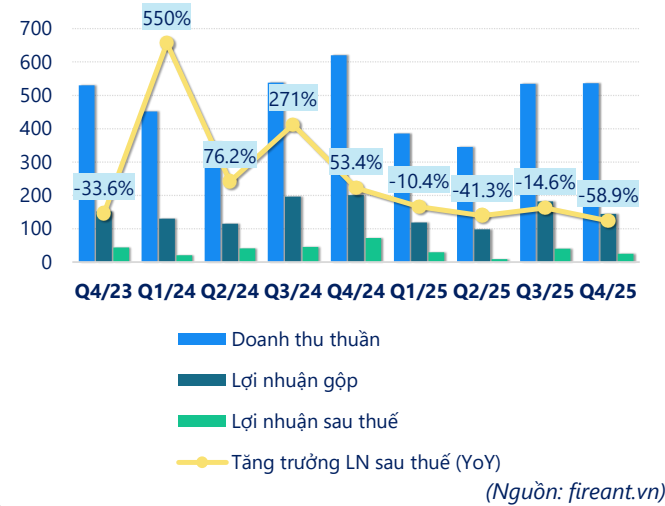
2025

14.4%

+/- YoY: ▼ 13.6%

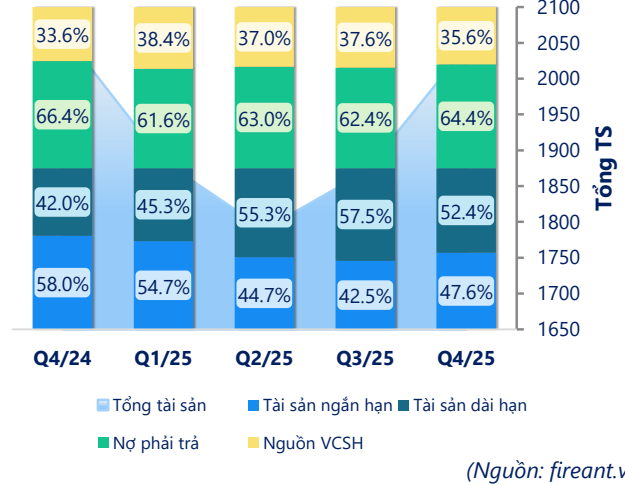
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

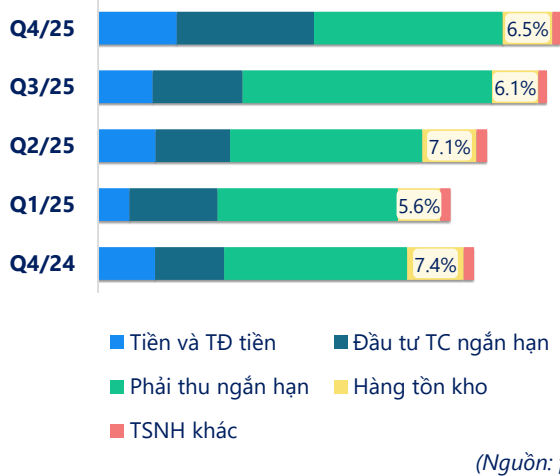


Cơ cấu Tổng tài sản

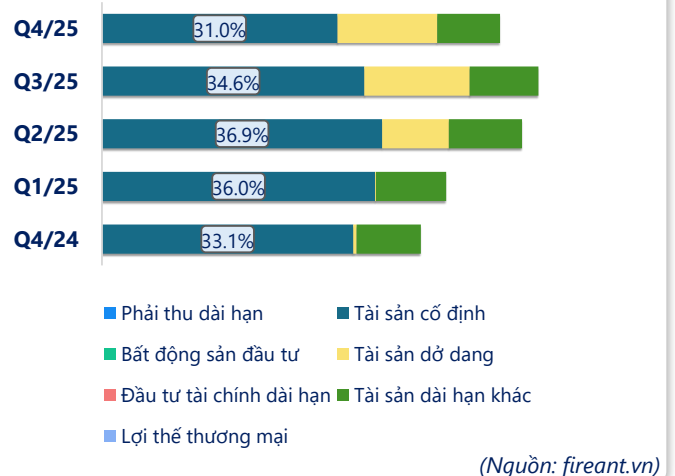
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

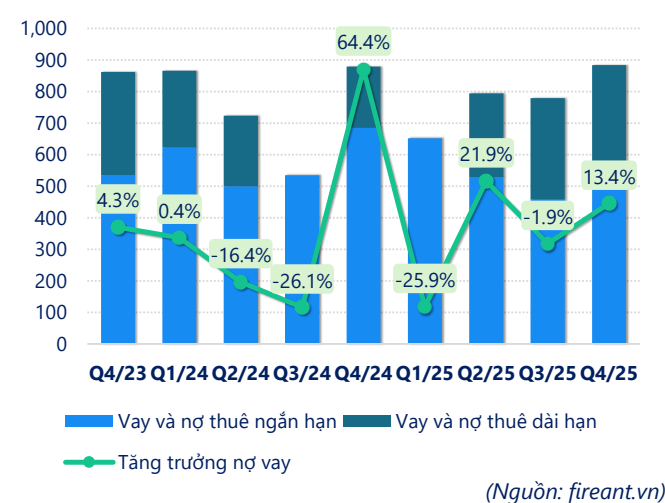


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



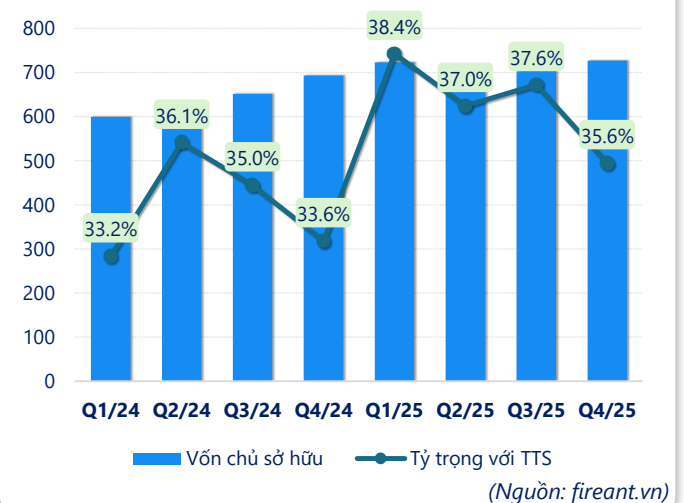
tỷ VNĐ

Nợ vay

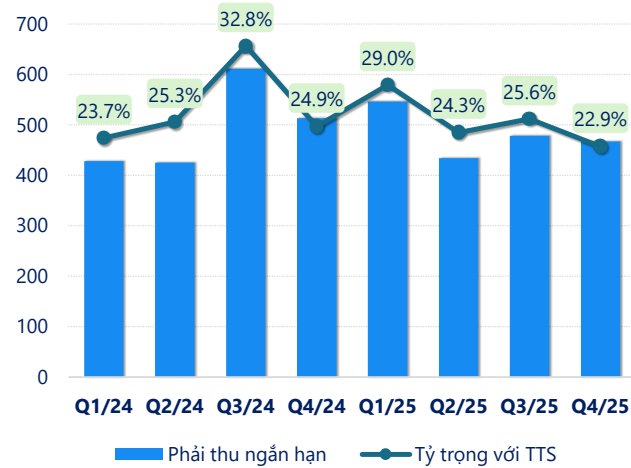


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

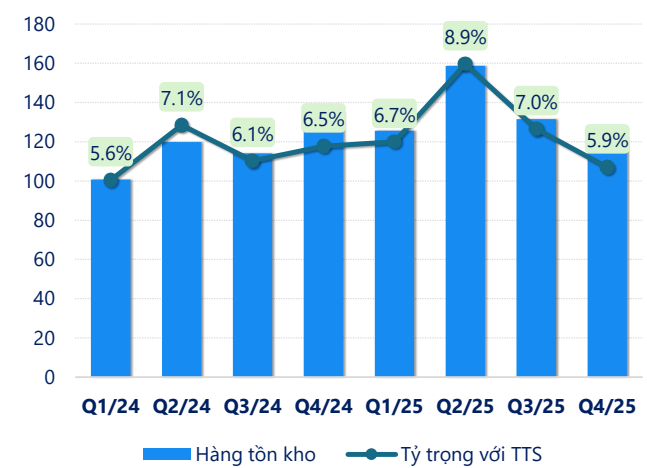


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


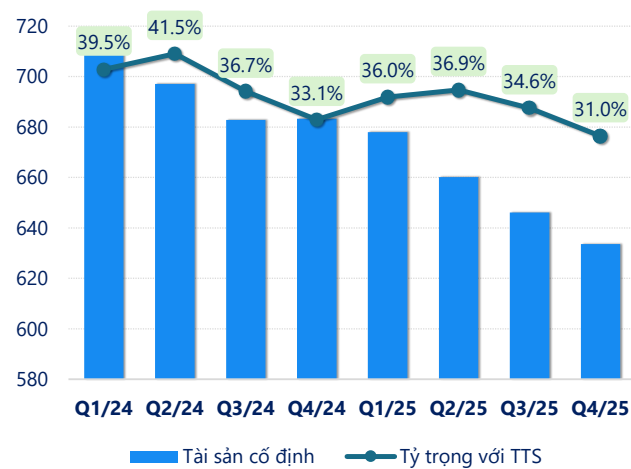
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


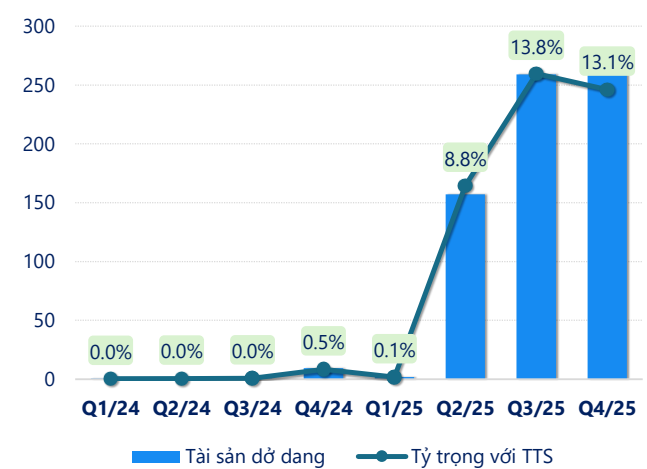
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

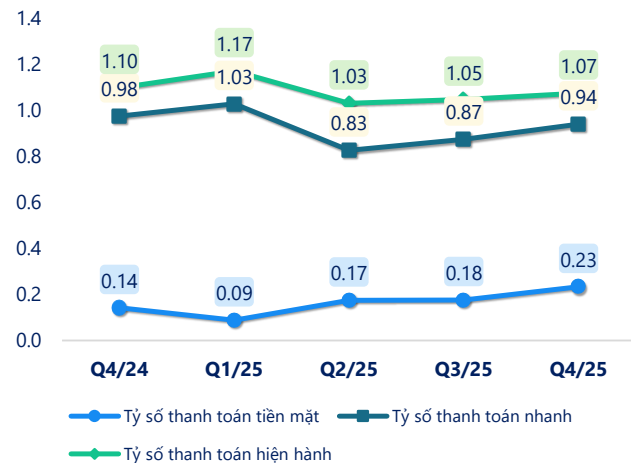
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

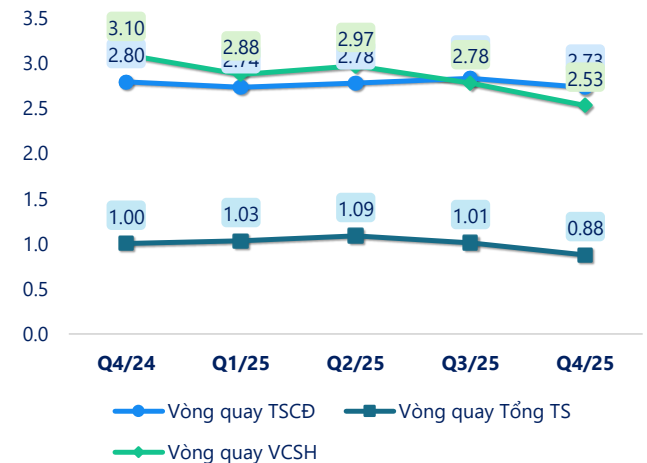
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	2,065	1,885	1,790	1,870	2,044
Tài sản ngắn hạn	1,199	1,031	800	796	973
Tiền và tương đương tiền	155	77.6	136	134	212
Đầu tư tài chính ngắn hạn	373	260	37.1	30.0	148
Phải thu ngắn hạn	513	546	434	479	467
Hàng tồn kho	135	126	159	131	122
Tài sản ngắn hạn khác	22.0	21.8	34.9	21.5	24.3
Tài sản dài hạn	867	854	989	1,075	1,071
Phải thu dài hạn	0.07	0.07	0.05	0.05	0.05
Tài sản cố định	683	678	660	646	634
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	9.36	1.82	157	259	268
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	174	174	172	169	169
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,372	1,162	1,127	1,168	1,317
Nợ ngắn hạn	1,091	880	776	759	906
Vay và nợ thuê ngắn hạn	685	652	529	458	558
Phải trả người bán ngắn hạn	209	101	119	128	169
Nợ dài hạn	281	282	351	408	411
Vay và nợ thuê dài hạn	195	0	265	321	326
Nguồn vốn chủ sở hữu	694	723	663	702	727
Vốn chủ sở hữu	694	723	663	702	727
Vốn điều lệ	300	300	300	300	300
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)